TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **02**/2021/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 04 tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 367/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/07/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Lê N - sinh năm: 1986.

Bị đơn: Anh Trần Thanh T - sinh năm: 1979.

Cùng ĐKHKTT và chỗ ở: Phòng A, nhà B, tập thể N, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 25/12/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Đinh Lê N và anh Trần Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: chị N và anh T có 02 con chung là cháu Trần Khải N - sinh ngày: 27/03/2012 và cháu Trần Minh N - sinh ngày: 15/07/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Chị N cùng các thành viên gia đình chị N không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung: chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

2.3 Về nợ chung: chị N và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

2.4 Về án phí: chị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 3736 ngày 16/07/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Ny chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- UBND phường T, quận H, thành phố Hà Nội (số 112, Quyển số 01 năm 2010);
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Thu Hương